

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH**  
**ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **BAN LÃNH ĐẠO**

Ban lãnh đạo bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Anh Dương	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2025
Ông Vũ Đình Hành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2025
Ông Trịnh Duy Hiên	Thành viên	
Ông Trần Xuân Huyền	Thành viên	
Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Định	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2025
Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2025
Ông Trần Ngọc Toàn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2025

#### **Ban kiểm soát**

Bà Đỗ Thị Ngọc	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2025
Bà Đỗ Thị Thủy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/04/2025
Bà Đỗ Thị Thủy	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2025
Bà Đinh Thị Đức Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2025
Bà Nhâm Thị Hồng Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Huyền Trang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2025

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Duy Hiên	Giám đốc	
Ông Trần Xuân Huyền	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Định	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 20/05/2025

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là ông Phạm Minh Tuấn.

#### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Lãnh đạo khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.



**Hoàng Anh Dương**  
**Chủ tịch HĐQT**

Hưng Yên, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Số: 176/2026/UHY - BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/03/2026 từ trang 6 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

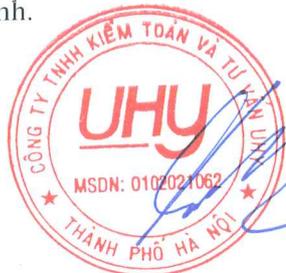
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thái Bình tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0798-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026*

**Nguyễn Văn Hải**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1395-2023-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>26.058.677.033</b>	<b>23.755.226.008</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.870.313.065</b>	<b>448.517.625</b>
1. Tiền	111		4.870.313.065	448.517.625
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.257.961.631</b>	<b>21.246.890.202</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	15.565.778.174	17.524.867.997
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		68.280.000	57.750.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.623.903.457	3.664.272.205
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>2.930.402.337</b>	<b>1.959.141.222</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.930.402.337	1.959.141.222
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>10</b>	<b>-</b>	<b>100.676.959</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	100.676.959
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.989.053.657</b>	<b>39.048.075.139</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>6</b>	<b>5.009.960.000</b>	<b>4.673.510.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.009.960.000	4.673.510.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.987.993.992</b>	<b>33.043.488.531</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	25.987.993.992	33.043.488.531
- Nguyên giá	222		125.755.543.053	126.642.526.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.767.549.061)	(93.599.037.522)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.991.099.665</b>	<b>1.331.076.608</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.991.099.665	1.331.076.608
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>61.047.730.690</b>	<b>62.803.301.147</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.736.882.628</b>	<b>15.014.086.811</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.736.882.628</b>	<b>15.014.086.811</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	8.099.189.801	8.948.373.208
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	156.200.601
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	1.238.999.123	1.852.697.137
4. Phải trả người lao động	314		2.977.327.424	3.334.016.879
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	410.502.430	706.319.136
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.863.850	16.479.850
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>48.310.848.062</b>	<b>47.789.214.336</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>48.310.848.062</b>	<b>47.789.214.336</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		62.782.587.400	62.782.587.400
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.074.781	45.074.781
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.516.814.119)	(15.038.447.845)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(15.038.447.845)	28.402.852
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		521.633.726	(15.066.850.697)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>61.047.730.690</b>	<b>62.803.301.147</b>



**Hoàng Anh Dương**  
Chủ tịch HĐQT  
Hưng Yên, ngày 10 tháng 03 năm 2026

**Phạm Minh Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Phạm Minh Tuấn**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	98.783.731.937	83.066.315.482
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		98.783.731.937	83.066.315.482
Giá vốn hàng bán	11	14	87.508.678.630	88.540.639.010
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.275.053.307	(5.474.323.528)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	134.941.745	170.880.663
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16	10.542.746.698	9.902.194.118
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		867.248.354	(15.205.636.983)
Thu nhập khác	31	17	226.069.153	140.040.000
Chi phí khác	32	18	291.722.881	1.253.714
Lợi nhuận khác	40		(65.653.728)	138.786.286
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		801.594.626	(15.066.850.697)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		279.960.900	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		521.633.726	(15.066.850.697)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	83	(2.400)



**Hoàng Anh Dương**  
Chủ tịch HĐQT

Hưng Yên, ngày 10 tháng 03 năm 2026

**Phạm Minh Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Phạm Minh Tuấn**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		104.219.910.388	88.917.649.737
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(56.460.549.094)	(49.610.296.825)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(36.012.354.317)	(34.237.399.275)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(279.960.900)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.734.146.290	6.054.305.661
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.854.694.927)	(13.532.028.561)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.346.497.440</b>	<b>(2.407.769.263)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		73.298.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.000.000	170.880.663
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>75.298.000</b>	<b>170.880.663</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(627.825.875)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(627.825.875)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.421.795.440</b>	<b>(2.864.714.475)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	448.517.625	3.313.232.100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	4.870.313.065	448.517.625



Hoàng Anh Dương  
Chủ tịch HĐQT  
Hưng Yên, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Phạm Minh Tuấn  
Kế toán trưởng

Phạm Minh Tuấn  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị tỉnh Thái Bình, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000219925 ngày 15/09/2009, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 22/07/2025 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2015. Công ty có trụ sở chính đặt tại số 109E, đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên.

Ngày 26/8/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có công văn số 5239/UBCK-GSDC chấp thuận Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình trở thành công ty đại chúng.

Ngày 15/10/2020, Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị tỉnh Thái Bình được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 62/2020/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là MTB.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là: 62.782.590.000 đồng. *(Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ, bảy trăm tám mươi hai triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./).*

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 353 người (tại ngày 01/01/2025 là 360 người).

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ tang lễ;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**3.3 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản cố định</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc, thiết bị	12 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị quản lý	05

**3.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 năm.

**3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.7 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**3.8 DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.9 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.10 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan trong năm 2025 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	575.173.000	49.621.000
Tiền gửi ngân hàng	4.295.140.065	398.896.625
<b>Cộng</b>	<b>4.870.313.065</b>	<b>448.517.625</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>15.565.778.174</b>	<b>17.524.867.997</b>
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên	8.608.956.000	-
- Ban quản lý và bảo trì công trình	3.470.831.000	-
- UBND Thành phố Thái Bình	113.766.744	1.791.411.744
- Ban quản lý dự án cơ sở hạ tầng thành phố Thái Bình	-	14.334.473.000
- Các đối tượng khác	3.372.224.430	1.398.983.253
	<b>15.565.778.174</b>	<b>17.524.867.997</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**6. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.623.903.457</b>	<b>-</b>	<b>3.664.272.205</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng	2.618.400.000	-	3.664.272.205	-
- Phải thu khác	5.503.457	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>5.009.960.000</b>	<b>-</b>	<b>4.673.510.000</b>	<b>-</b>
- Các khoản bảo lãnh, ký cước dài hạn	5.009.960.000	-	4.673.510.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.633.863.457</b>	<b>-</b>	<b>8.337.782.205</b>	<b>-</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	93.555.410	-	378.537.864	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.836.846.927	-	1.580.603.358	-
<b>Cộng</b>	<b>2.930.402.337</b>	<b>-</b>	<b>1.959.141.222</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2025	44.798.947.405	50.973.954.178	30.733.242.652	136.381.818	126.642.526.053
- Thanh lý, nhượng bán	-	(51.268.000)	(835.715.000)	-	(886.983.000)
31/12/2025	44.798.947.405	50.922.686.178	29.897.527.652	136.381.818	125.755.543.053
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2025	35.802.780.592	33.832.717.988	23.866.992.491	96.546.451	93.599.037.522
- Khấu hao trong năm	1.347.995.733	3.869.116.123	1.827.746.319	10.636.364	7.055.494.539
- Thanh lý, nhượng bán	-	(51.268.000)	(835.715.000)	-	(886.983.000)
31/12/2025	37.150.776.325	37.650.566.111	24.859.023.810	107.182.815	99.767.549.061
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2025	8.996.166.813	17.141.236.190	6.866.250.161	39.835.367	33.043.488.531
31/12/2025	7.648.171.080	13.272.120.067	5.038.503.842	29.199.003	25.987.993.992

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 40.567.046.332 đồng (tại 01/01/2025 là 23.624.074.147 đồng).

- Nguyên giá TSCĐ chò thanh lý tại ngày 31/12/2025 là 1.572.385.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH**  
Số 109E, đường Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>8.099.189.801</b>	<b>8.099.189.801</b>	<b>8.948.373.208</b>	<b>8.948.373.208</b>
Công ty TNHH Cây xanh Duy Tiến	-	-	2.382.203.349	2.382.203.349
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Bình	132.111.113	132.111.113	1.553.216.000	1.553.216.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Kinh doanh thiết bị điện Thái Bình	-	-	43.748.000	43.748.000
Công ty TNHH TM Tổng hợp Trung Tín	-	-	276.631.600	276.631.600
Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Quốc Anh	951.364.440	951.364.440	-	-
Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Hà Việt	980.969.000	980.969.000	-	-
Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Mai Anh	1.139.034.479	1.139.034.479	-	-
Phải trả người bán khác	4.895.710.769	4.895.710.769	4.692.574.259	4.692.574.259
<b>Cộng</b>	<b>8.099.189.801</b>	<b>8.099.189.801</b>	<b>8.948.373.208</b>	<b>8.948.373.208</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		31/12/2025	
	VND	VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.564.980.661	1.564.980.661	5.221.810.992	5.221.810.992	5.967.609.677	5.967.609.677	819.181.976	819.181.976
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(125.370.757)	(125.370.757)	279.960.900	279.960.900	100.000.000	100.000.000	54.590.143	54.590.143
- Thuế thu nhập cá nhân	413.087.233	413.087.233	484.603.358	484.603.358	532.463.587	532.463.587	365.227.004	365.227.004
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	54.268.280	54.268.280	54.268.280	54.268.280	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	574.683.781	574.683.781	574.683.781	574.683.781	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.852.697.137</b>	<b>1.852.697.137</b>	<b>6.615.327.311</b>	<b>6.615.327.311</b>	<b>7.229.025.325</b>	<b>7.229.025.325</b>	<b>1.238.999.123</b>	<b>1.238.999.123</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>410.502.430</b>	<b>706.319.136</b>
Phải trả phải nộp khác	410.502.430	706.319.136
+ Nhận ký quỹ, ký cược	80.500.000	580.500.000
+ Phải trả phần vốn Nhà nước	-	2.430
+ Phải trả khác	330.002.430	125.816.706
<b>Cộng</b>	<b>410.502.430</b>	<b>706.319.136</b>

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**12.1 CHI TIẾT ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- UBND tỉnh Hưng Yên	45.869.587.400	45.869.587.400
- Vốn góp của các đối tượng khác	16.913.000.000	16.913.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.782.587.400</b>	<b>62.782.587.400</b>

**12.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	62.782.587.400	62.782.587.400
+ Vốn góp cuối năm	62.782.587.400	62.782.587.400

**12.3 CỔ PHIẾU**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.278.259	6.278.259
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.278.259	6.278.259
+ Cổ phiếu phổ thông	6.278.259	6.278.259
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.278.259	6.278.259
+ Cổ phiếu phổ thông	6.278.259	6.278.259
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ TỈNH THÁI BÌNH**  
Số 109E, đường Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**12.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>01/01/2024</b>	<b>62.782.587.400</b>	<b>45.074.781</b>	<b>671.080.615</b>	<b>63.498.742.796</b>
- Lỗ trong năm	-	-	(15.066.850.697)	(15.066.850.697)
- Phân phối lợi nhuận năm 2023	-	-	(627.825.875)	(627.825.875)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.851.888)	(14.851.888)
<b>31/12/2024</b>	<b>62.782.587.400</b>	<b>45.074.781</b>	<b>(15.038.447.845)</b>	<b>47.789.214.336</b>
<b>01/01/2025</b>	<b>62.782.587.400</b>	<b>45.074.781</b>	<b>(15.038.447.845)</b>	<b>47.789.214.336</b>
- Lãi trong năm	-	-	521.633.726	521.633.726
<b>31/12/2025</b>	<b>62.782.587.400</b>	<b>45.074.781</b>	<b>(14.516.814.119)</b>	<b>48.310.848.062</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu dịch vụ công ích	66.566.594.332	55.437.215.869
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.217.137.605	27.629.099.613
<b>Cộng</b>	<b>98.783.731.937</b>	<b>83.066.315.482</b>

**14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	87.508.678.630	88.540.639.010
<b>Cộng</b>	<b>87.508.678.630</b>	<b>88.540.639.010</b>

**15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi	134.941.745	170.880.663
<b>Cộng</b>	<b>134.941.745</b>	<b>170.880.663</b>

**16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	7.138.704.766	5.383.275.933
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	406.955.682	428.768.307
- Thuế và các khoản lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.400.000	628.716.100
- Chi phí bằng tiền khác	2.868.686.250	3.458.433.778
<b>Cộng</b>	<b>10.542.746.698</b>	<b>9.902.194.118</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thu nhập khác	226.069.153	140.040.000
<b>Cộng</b>	<b>226.069.153</b>	<b>140.040.000</b>

**18. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi nộp phạt	291.722.881	1.253.714
<b>Cộng</b>	<b>291.722.881</b>	<b>1.253.714</b>

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận/lỗ sau thuế TNDN	521.633.726	(15.066.850.697)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	521.633.726	(15.066.850.697)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	6.278.259	6.278.259
<b>Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>83</b>	<b>(2.400)</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	10.137.380.337	5.943.459.568
- Chi phí nhân công	35.357.848.394	33.851.788.738
- Khấu hao tài sản cố định	7.055.494.539	7.884.593.141
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.195.203.986	6.976.814.763
- Chi phí bằng tiền khác	39.305.498.072	21.630.128.975
<b>Cộng</b>	<b>98.051.425.328</b>	<b>76.286.785.185</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	300.000.000	264.000.000
- Tiền lương HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	1.818.131.839	1.094.164.107
	<b>2.118.131.839</b>	<b>1.358.164.107</b>

**THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
1	Ông Hoàng Anh Dương	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
2	Ông Trịnh Duy Hiền	Thành viên HĐQT - Giám đốc	30.000.000	30.000.000
3	Ông Trần Xuân Huyền	Thành viên HĐQT - Phó giám đốc	30.000.000	30.000.000
4	Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên HĐQT độc lập	10.000.000	30.000.000
5	Ông Vũ Đình Hành	Thành viên HĐQT độc lập	10.000.000	30.000.000
6	Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	30.000.000	30.000.000
7	Ông Nguyễn Văn Định	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	20.000.000	-
8	Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng	20.000.000	-
9	Ông Trần Ngọc Toàn	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng	20.000.000	-
10	Bà Đỗ Thị Ngọc	Trưởng ban kiểm soát	20.000.000	-
11	Bà Đỗ Thị Thủy	Trưởng ban kiểm soát	26.000.000	30.000.000
12	Bà Đinh Thị Đức Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	8.000.000	24.000.000
13	Bà Nhâm Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
14	Bà Nguyễn Huyền Trang	Thành viên Ban kiểm soát	16.000.000	-
	<b>Cộng</b>		<b>300.000.000</b>	<b>264.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**TIỀN LƯƠNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1	Ông Hoàng Anh Dương	Chủ tịch HĐQT	274.441.754	266.988.043
2	Ông Trịnh Duy Hiền	Thành viên HĐQT - Giám đốc	228.443.100	215.808.328
3	Ông Trần Xuân Huyền	Thành viên HĐQT - Phó giám đốc	171.235.961	163.037.220
4	Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
5	Ông Vũ Đình Hành	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
6	Ông Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	173.148.600	158.999.136
7	Ông Nguyễn Văn Định	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	167.210.192	-
8	Ông Nguyễn Ngọc Toàn	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng	143.119.131	-
9	Ông Trần Ngọc Toàn	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng	146.271.127	-
10	Bà Đỗ Thị Ngọc	Trưởng ban kiểm soát	163.473.008	-
11	Bà Đỗ Thị Thủy	Trưởng ban kiểm soát	137.239.950	113.772.535
12	Bà Đinh Thị Đức Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	26.814.400	90.753.183
13	Bà Nhâm Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	90.776.577	84.805.662
14	Bà Nguyễn Huyền Trang	Thành viên Ban kiểm soát	95.498.039	-
			<b>1.817.671.839</b>	<b>1.094.164.107</b>

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.



**Hoàng Anh Dương**  
Chủ tịch HĐQT

Hưng Yên, ngày 10 tháng 03 năm 2026

**Phạm Minh Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Phạm Minh Tuấn**  
Người lập biểu